TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG** **----------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày 24/3/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Chuyên.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: **Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung** là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Giồng Riềng không tham gia phiên tòa***:

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2022/TLST – DS, ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Sĩ P , sinh năm: 1992; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đoàn Kim C , sinh năm: 1966; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện G, tỉnh K - theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2022 (có mặt).

2. Bị đơn: Bùi Thị T , sinh năm: 1974; địa chỉ: ấp Nguyễn H , xã T, huyện G, tỉnh K (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2022 và tại phiên tòa bà Đoàn Kim C người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa bà và bà Bùi Thị T là bạn bè lâu năm nên con bà là Bùi Sĩ P có cho bà T vay tiền nhiều lần, bắt đầu vay từ năm 2021. Đến ngày 26/12/2021 hai bên chốt sổ, bà T

viết biên nhận và thừa nhận còn thiếu của Bùi Sĩ P số tiền 78.700.000 đồng, bà T cam kết trong vòng 04 tháng sẽ trả hết số tiền trên. Đến hẹn bà T không trả mà lẩn trốn đi khỏi địa phương. Nay Bùi Sĩ P yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị T trả cho Bùi Sĩ P số tiền 78.700.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 24/2/2023 bà Bùi Thị T trình bày: Bà thừa nhận có hỏi vay của Bùi Sĩ P nhiều lần và có nợ tiền của anh P, tính đến ngày 26/12/2021 bà và anh P chốt nợ với nhau, bà còn thiếu của anh P số tiền 78.700.000 đồng, sau đó bà có trả cho anh P số tiền 6.700.000 đồng. Còn nợ lại 72.000.000 đồng, bà hứa xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến đến dứt nợ.

Quá trình hòa giải tại tòa án giữa bà C bà T đã thống nhất được với nhau số tiền bà T còn thiếu của anh P 72.000.000 đồng (do bà T trả cho P được 6.700.000 đồng) nhưng bà C không đồng ý cách trả trên của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Về sự có mặt của đương sự: Bà Bùi Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy việc vắng mặt của bà T không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà T.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Xét yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Sĩ P đối với bà Bùi Thị T về số tiền bà T còn thiếu nợ của anh P; hai bên đã thống nhất với nhau về số tiền mà bà Bùi Thị T hỏi vay của anh P là 78.700.000 đồng. Hai bên có làm biên nhận nợ với nhau, đồng thời thỏa thuận với nhau về thời gian trả nợ kể từ ngày viết biên nhận nợ là 04 tháng. Sau đó, bà T có trả cho anh P được 6.700.000 đồng, số tiền còn lại 72.000.000 đồng bà T tiếp tục hứa hẹn nhưng không trả, anh P đã nhiều lần yêu cầu thanh toán số tiền trên nhưng bà T đã bỏ địa phương đi làm ăn nơi khác. Việc bà T không trả cho anh P là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, anh Bùi Sĩ P khởi kiện đối với bà Bùi Thị T là hoàn toàn có căn cứ. Tại phiên hòa giải bà T chỉ đồng ý trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ, cách thức trả trên bà Đoàn Kim C không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy rằng hai bên thừa nhận với nhau về số tiền vay nhưng không thỏa thuận được với nhau về cách thức trả nợ nên cách thức thanh toán nợ do Chi cục thi hành án dân sự quyết định khi bản án có hiệu lực thi hành.

Áp dụng khoản 04 Điều 11, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Xử buộc bà Bùi Thị T trả cho anh Bùi Sĩ P số tiền vay 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng).

{2.2} Về lãi suất: Việc tính lãi do hai bên tự nguyện thỏa thuận với nhau và không yêu cầu tính toán lại. Tại phiên tòa hôm nay bà Đoàn Kim C không yêu cầu tính lãi cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Yêu cầu của anh Bùi Sĩ P được chấp nhận nên không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Bùi Thị T phải chịu án phí giá ngạch là: 72.000.000 đồng x 5% = 3.600.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 11, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Sĩ P đối với bà Bùi Thị T

2. Buộc bà Bùi Thị T trả cho anh Bùi Sĩ P số tiền 72.000.000 đồng (bảy mươi hai triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của anh Bùi Sĩ P được chấp nhận, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho anh Phước do bà Đoàn Kim C nộp thay 1.980.000 đồng (một triệu chín trăm tám mươi

nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 3125, ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Bùi Thị T phải chịu án phí có giá ngạch là 3.600.000 đồng (ba triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày; ông Bùi Sĩ P được tính kể từ ngày tuyên án 24/3/2023; bà Bùi Thị T được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện*
- *Thi hành án huyện*
- *UBND xã, thị*
- *Các đương sự*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên